

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN ĐÔNG ĐA
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số **288/2024/HSST**

Ngày 23/9/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐÔNG ĐA, HÀ NỘI

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Thúy;

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hải Phùng;

Bà Lê Thanh Ngọc.

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Quỳnh Nga- Thư ký Tòa án nhân dân quận Đống Đa, Hà Nội.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu H, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 270/TLST-HS ngày 30/8/2024 đối với các bị cáo:

1- Họ và tên: **Trần Việt A**, sinh năm 1991; Giới tính: Nam; ĐKNKTT: Số nhà A, phố L, phường M, quận N, thành phố Hải Phòng; Chỗ ở: P1820 CT10C, khu đô thị Đ, xã T, huyện T, Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông: Trần Văn Đ, sinh năm 1957; Con bà: Phạm Thị D, sinh năm 1961; A, chị, em ruột: Gia đình có 02 chị em, bị cáo là con thứ hai; Vợ, con: Không.

Tiền án tiền sự: Không.

D1 chỉ bản số 366, lập ngày 02/5/2024 tại Công an quận Đ. Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/4/2024. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1, Công an thành phố H. Có mặt tại phiên tòa.

2- Họ và tên: **Hoàng Tuấn A1**, sinh năm 1993; Giới tính: Nam; ĐKNKTT: Số A phố T, phường B, thành phố N, tỉnh Nam Định; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông: Hoàng Văn T, sinh năm 1968; Con bà: Phạm Thị H1, sinh năm 1968; A, chị, em ruột: Gia đình có 02 anh em, bị cáo là lớn nhất; Vợ: Vũ Thị Kim N, sinh năm 1993; Con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2018, con nhỏ sinh năm 2023.

Tiền án tiền sự: Không.

D1 chỉ bản số 367, lập ngày 02/5/2024 tại Công an quận Đ. Bị cáo bị bắt quả tang ngày 22/4/2024. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1, Công an thành phố H. Có mặt tại phiên tòa.

3- Họ và tên: **Đặng Minh C**, sinh năm 1998; Giới tính: Nam; ĐKNKTT: Thôn H, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; Chỗ ở: Số B phố Đ, phường P, quận Đ, Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông: Đặng Văn H2, sinh năm 1970; Con bà: Phạm Thị L, sinh năm 1976; Vợ, con: Không.

Tiền án tiền sự: Không.

D1 chỉ bản số 365, lập ngày 02/5/2024 tại Công an quận Đ. Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/4/2024. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1, Công an thành phố H. Có mặt tại phiên tòa.

4- Họ và tên: **Lò Văn L1**, sinh năm 1998; Giới tính: Nam; ĐKNKTT: Bản Gia, xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông: Lò Văn X, sinh năm 1969; Con bà: Lò Thị V, sinh năm 1975; A, chị, em ruột: Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ ba; Vợ, con: Không.

Tiền án tiền sự: Không.

D1 chỉ bản số 364, lập ngày 02/5/2024 tại Công an quận Đ. Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/4/2024. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1, Công an thành phố H. Có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Ánh T1, sinh năm 1999; Địa chỉ: P, Chung cư H, khu đô thị L, quận H, Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23giờ 00phút ngày 22/4/2024, tại trước số B phố Đ, phường P, quận Đ, Hà Nội, Tổ công tác Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy- Công an quận Đ tiến hành kiểm tra đối với Hoàng Tuấn A1 đang đứng cùng với Nguyễn Văn X1 (sinh năm 2003; Trú tại: Thôn T, xã N, huyện H, tỉnh Thanh Hóa). Quá trình kiểm tra, Tổ công tác phát hiện thu giữ trong lòng bàn tay phải Tuấn A1 đang cầm 01 hộp giấy màu vàng-đen kích thước khoảng (2,5x3x9)cm trong có 01 cục sạc điện thoại màu đen đựng 01 túi nilon màu trắng kích thước khoảng (4x4)cm đựng tinh thể màu trắng và 01 túi nilon màu trắng kích thước khoảng (4x4)cm đựng 01 viên nén màu xám. Tại chỗ, Tuấn A1 khai nhận số ma túy bị thu giữ là do Tuấn A1 cùng Lò Văn L1 và Đặng Minh C rủ nhau mua để cùng sử dụng tại phòng 301, số B phố Đ, phường P, quận Đ, Hà Nội.

Cơ quan Công an tiến hành kiểm tra P301, số B phố Đ phát hiện trong phòng có Lò Văn L1, Đặng Minh C và Lê Thị Hồng N1 (sinh năm 2004, T2 tại: Đường H, xã K, huyện T, Hà Nội) nên đã đưa các đối tượng về trụ sở để làm việc.

Tại Cơ quan điều tra, Lò Văn L1 và Đặng Minh C xin đầu thú về hành vi cùng Hoàng Tuấn A1 mua ma túy về sử dụng. Các đối tượng cùng khai nhận: Vào ngày 22/4/2024, L1, Tuấn A1 và C rủ nhau mua ma túy để cùng sử dụng. C đã liên hệ với Trần Việt A hỏi mua ma túy, cả hai thống nhất mua bán “nửa chỉ” Ketamine và 01 viên “thuốc lắc” với giá 2.200.000 đồng (gồm: 2.100.000 đồng là tiền mua ma túy và 100.000 đồng là tiền vận chuyển ma túy). Sau đó, L1 chuyển khoản số tiền 2.195.000 đồng từ tài khoản Ngân hàng T7 số 6682333333 mang tên Lò Văn L1 cho Tuấn A1 sử dụng tài khoản Ngân hàng S số 3913071993 mang tên Hoàng Tuấn A1, Tuấn A1 chuyển số tiền này đến tài khoản Ngân hàng N5 số 999268202 mang tên Nguyễn Thị N2 (là tài khoản C sử dụng) cho C để mua ma túy. C chuyển khoản số tiền 2.100.000 đồng vào tài khoản Ngân hàng M số 03201018520057 mang tên Đặng Thị Thu L2 (là tài khoản Việt A sử dụng) và cho số điện thoại 0335504226 (là số điện thoại của L1) để Việt A thuê người giao ma túy đến số B phố Đ. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày anh Nguyễn Văn X1 đến giao hàng và gọi điện cho L1 thì L1 bảo Tuấn A1 xuống gặp X1 lấy ma túy. Ngay sau khi Tuấn A1 nhận đơn hàng là ma túy từ anh X1 thì bị Cơ quan Công an kiểm tra, phát hiện và bắt giữ.

Nguyễn Văn X1 khai nhận: anh X1 là lái xe công nghệ hãng B, tối ngày 22/4/2024, anh X1 nhận được một đơn hàng vận chuyển từ Chung cư H L, phường H, quận H, Hà Nội chuyển đến số B phố Đ. Khi đến nơi, anh X1 gặp và nhận từ Trần Việt A 01 hộp giấy màu đen-vàng kích thước (2,5x3x9)cm và vận chuyển đến số 26/6/15 Đặng Văn N3 giao cho Tuấn A1 thì bị Công an kiểm tra thu giữ. Anh X1 không biết trong hộp giấy được thuê vận chuyển có ma túy.

Qua rà soát xác định đối tượng Trần Việt A thỉnh thoảng đến ở tại P Chung cư H L, phường H, quận H, Hà Nội.

Cơ quan Công an đã tiến hành kiểm tra P1404 Chung cư HH2A Linh Đàm, thời điểm kiểm tra trong phòng có Nguyễn Ánh T1 (sinh năm 1999, Trú tại: thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum); Lò Thị Kim O (sinh năm 2004, Trú tại: Bản N, xã T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên); Ngô Thành N4 (sinh năm 1990, Trú tại: P2942 CT2A Chung cư K, phường Đ, quận H, Hà Nội); Hoàng Trung K (sinh năm 1987, T2 tại: Số B phố L, phường K, quận T, Hà Nội) và Nguyễn Cao C1 (sinh năm 1994, Trú tại: Thôn D, xã Đ, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang). Quá trình kiểm tra không phát hiện thu giữ gì.

Quá trình điều tra xác định, Trần Việt A đang ở tại P1820 CT10C Khu đô thị Đ, xã T, huyện T, Hà Nội. Cơ quan điều tra đã tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Trần Việt A tại P1820 CT10C Khu đô thị Đ, phát hiện thu giữ được của Trần Việt A: 02 túi nilon màu trắng, kích thước mỗi túi đều khoảng (4x4)cm đựng tinh thể và 01 túi nilon màu trắng, kích thước (7x15)cm đựng tinh thể màu trắng. Quá trình khám xét trong P1820 có Trần Việt A, Nguyễn Mai T3 (sinh năm 2009, T2 tại: Số A, phố P, phường Q, quận Đ, Hà Nội) và Vi Thị T4 (sinh năm 2004, T2

tại: Tổ dân phố T, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang), Cơ quan điều tra đã đưa các đối tượng về làm việc.

Tại Cơ quan điều tra, Trần Việt A xin đầu thú về hành vi Mua bán trái phép chất ma túy và khai: vào khoảng 02 ngày trước khi bị bắt, Việt A đã lên mạng xã hội T5 tìm và mua của một đối tượng không quen biết 04 “chỉ Ketamine” và 04 viên “thuốc lắc” với giá 7.000.000 đồng. Sau đó, người bán ma túy đã thuê xe ôm công nghệ vận chuyển ma túy đến khu vực Tòa nhà C Khu đô thị Đ giao cho Việt A. Sau khi mua được ma túy Việt A đã mang về nhà tại P1820 CT10C Khu đô thị Đ cất giấu. Sau đó, Việt A đã sử dụng hết 03 viên “thuốc lắc” và một phần ma túy “Ke”. Đến tối ngày 22/4/2024, Đặng Minh C đã liên hệ và mua của Việt A “nửa chỉ Ketamine” và 01 viên “thuốc lắc” với giá 2.100.000 đồng và chuyển khoản trả tiền mua ma túy cho Việt A. Sau đó, Việt A thuê anh Nguyễn Văn X1 là người vận chuyển của hãng xe công nghệ B để giao ma túy cho C. Số ma túy còn lại Việt A cất giấu trong phòng mục đích để bán kiếm lời.

Đối với tang vật thu giữ của Hoàng Tuấn A1: Tại bản Kết luận giám định số 3034/KLGD-PC09 ngày 02/5/2024 của Phòng K1- Công an thành phố H, kết luận: Tinh thể màu trắng bên trong 01 túi nilong là ma túy loại Ketamine, khối lượng 0,807 gam; 01 viên nén màu xám là ma túy loại MDMA, khối lượng 0,374 gam.

Đối với tang vật thu giữ của Trần Việt A: Tại bản Kết luận giám định số 3033/KLGD-PC09 ngày 02/5/2024 của Phòng K1- Công an thành phố H, kết luận: Tinh thể màu trắng trong 03 túi nilong đều là ma túy loại Ketamine, tổng khối lượng: 3,964 gam.

Đối với Vi Thị T4, Nguyễn Mai T3, Nguyễn Ánh T1, Lò Thị Kim O, Ngô Thành N4, Hoàng Trung K và Nguyễn Cao C1, tại Cơ quan điều tra các đối tượng khai không biết và không tham gia vào việc cất giấu và mua bán ma túy của Trần Việt A. Do đó, Cơ quan điều tra không xử lý.

Qua xét nghiệm Nguyễn Cao C1 dương tính với ma túy nên ngày 16/5/2024, Công an quận Đ đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Nguyễn Cao C1 về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy theo quy định tại Điều 23 Nghị định 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ.

Đối với Lê Thị Hồng N1, tại Cơ quan điều tra N1 khai là bạn gái của Lò Văn L1, N1 đến P301 số 26/6/15 phố Đặng Văn N3 là để thăm Lả. Việc L1, C và Tuấn A1 mua ma túy về sử dụng, N1 không biết, không tham gia. Do đó, Cơ quan điều tra không xử lý.

Đối với đối tượng bán ma túy và giao ma túy cho Trần Việt A, tại Cơ quan điều tra, Việt A khai không biết tên tuổi, địa chỉ, số điện thoại. Do đó, Cơ quan điều tra không có căn cứ xác minh làm rõ để xử lý.

Ngoài số tang vật là ma túy thu giữ được, Cơ quan điều tra còn tạm giữ những đồ vật tài sản gồm:

- Thu giữ của Đặng Minh C: 01 chiếc điện thoại Iphone màu đen gắn sim số 0589225333.

- Thu giữ của Hoàng Tuấn A1: 01 chiếc điện thoại Redmi 9A màu đen cùng sim số 0387129476.

- Thu giữ của Lò Văn L1: 01 điện thoại Iphone màu xanh, số Imei 35506058937390 cùng sim số 0335504226.

- Thu giữ của Trần Việt A: 01 điện thoại Iphone màu đen, Imei: 359176072466993 cùng sim số 0962047001.

- Thu giữ của Nguyễn Ánh T1: 01 chiếc điện thoại Iphone màu xanh.

Tại phiên tòa:

- Các bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa, Hà Nội đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

- Bản cáo trạng số 270/CT-VKSĐĐ, ngày 29/8/2024, Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa đã truy tố Trần Việt A về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự. Hoàng Tuấn A1, Đặng Minh C và Lò Văn L1 về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự. Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo **Trần Việt A mức án từ 30 đến 36 tháng tù.**

- Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo **Hoàng Tuấn A1 mức án từ 18 đến 22 tháng tù.**

- Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo **Đặng Minh C mức án từ 18 đến 22 tháng tù.**

Xử phạt bị cáo **Lò Văn L1 mức án từ 18 đến 22 tháng tù.**

Miễn áp dụng hình phạt tiền đối với các bị cáo và xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 02 bao niêm phong trong có chứa ma túy. Tịch thu sung công 01 chiếc điện thoại Iphone màu đen, 01 chiếc điện thoại Redmi 9A màu đen, 01 điện thoại Iphone màu xanh, 01 điện thoại Iphone màu đen. Trả lại cho chị Nguyễn Ánh T1 01 chiếc điện thoại Iphone màu xanh. Buộc bị cáo Trần Việt A truy nộp sung quỹ Nhà nước số tiền 2.100.000 đồng.

Căn cứ vào các tài liệu và chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan điều tra Công an quận Đ, Hà Nội; Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa, Hà Nội:

Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Những căn cứ xác định tội danh:

Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, biên bản phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ, kết luận giám định và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ thể hiện:

Khoảng 23 giờ 00 phút ngày 22/4/2024, tại trước số B phố Đ, phường P, quận Đ, Hà Nội, Hoàng Tuấn A1 có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy (0,807 gam ma túy loại Ketamine và 0,374 gam ma túy loại MDMA) thì bị Tổ công tác Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy - Công an quận Đ phát hiện bắt quả tang. Quá trình điều tra, xác định số ma túy trên là của Hoàng Tuấn A1, Đặng Minh C và Lò Văn L1 chung tiền mua để sử dụng. Tại Cơ quan điều tra, Đặng Minh C và Lò Văn L1 đã xin đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội của mình. Về nguồn gốc số ma túy thu giữ được của Tuấn A1, quá trình điều tra xác định là do Đặng Minh C liên hệ đặt mua ma túy của Trần Việt A cùng ngày 22/4/2024 với số tiền 2.100.000 đồng.

Tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Trần Việt A tại P1820 CT10C Khu đô thị Đ, xã T, huyện T, Hà Nội, Cơ quan điều tra thu giữ của Trần Việt A 3,964 gam ma túy loại Ketamine. Tại Cơ quan điều tra, Trần Việt A khai nhận hành vi bán trái phép chất ma túy cho Đặng Minh C. Về số ma túy bị thu giữ, Việt A khai mục đích cất giấu tại nhà để bán kiếm lời.

Hành vi của Trần Việt A đủ dấu hiệu cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự. Hành vi của Hoàng Tuấn A1, Đặng Minh C và Lò Văn L1 đủ dấu hiệu cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự. Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa đã truy tố đối với các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất vụ án: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Các bị cáo biết rõ ma túy là chất gây nghiện làm tổn hại sức khỏe con người, là mầm mống của các loại tội phạm khác, nhà nước ta đã nghiêm cấm mọi hành vi mua bán, tàng trữ... trái phép chất ma túy, nhưng vì hám lợi và là đối tượng nghiện nên các bị cáo vẫn cố tình thực hiện tội phạm. Vì vậy, cần phải xét xử nghiêm minh, nhằm đảm bảo tính giáo dục đối với các bị cáo và làm bài học ngăn ngừa chung.

[4] Xét vai trò, nhân thân, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo thấy:

Trần Việt A là người bán ma túy nên phải chịu trách nhiệm hình sự cao hơn các bị cáo Đặng Minh C, Hoàng Tuấn A1, Lò Văn L1. Các bị cáo C, Tuấn A1, L1 có sự thống nhất ý chí về việc mua ma túy. Bị cáo L1 là người khởi xướng và ứng

trước tiên mua ma túy, bị cáo C là người giao dịch mua ma túy, Tuấn A1 vừa khởi xướng vừa là người nhận ma túy nên vai trò của C, Tuấn A1 và L1 là như nhau.

[5] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân các bị cáo: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Việt A, C, L1 đầu thú nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo L1 là người dân tộc ít người nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào theo quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[6] Về áp dụng hình phạt đối với các bị cáo: Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã viện dẫn, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng hình phạt tù, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng răn đe giáo dục đối với các bị cáo và phòng ngừa chung.

[7] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249 và khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự, các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa cho thấy các bị cáo là lao động tự do, thu nhập không ổn định, là các đối tượng nghiện; vì vậy Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[8] Về số tiền thu lợi bất chính: Số tiền 2.100.000 đồng là tiền mua bán ma túy, Trần Việt A đã chi tiêu cá nhân hết nên cần buộc bị cáo truy nộp sung quỹ Nhà nước.

[9] Về vật chứng:

- 01 bao niêm phong có chữ ký của Hoàng Tuấn A1, người chứng kiến, cán bộ Công an quận Đ và giám định viên; 01 bao niêm phong có chữ ký của Trần Việt A, người chứng kiến, cán bộ Công an quận Đ và giám định viên; trong có chứa ma túy nên tịch thu tiêu hủy.

- 01 chiếc điện thoại Iphone màu đen thu giữ của Đặng Minh C, 01 chiếc điện thoại Redmi 9A màu đen thu giữ của Hoàng Tuấn A1, 01 điện thoại Iphone màu xanh thu giữ của Lò Văn L1, 01 điện thoại Iphone màu đen thu giữ của Trần Việt A; có liên quan đến việc phạm tội nên tịch thu sung công. 01 chiếc điện thoại Iphone màu xanh thu giữ của chị Nguyễn Ánh T1 có liên quan đến việc phạm tội nhưng chị T1 không biết việc Việt A mua bán ma túy nên trả lại cho chị Nguyễn Ánh T1.

[10] Về án phí và quyền kháng cáo: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Trần Việt A phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Hoàng Tuấn A1, Đặng Minh C, Lò Văn L1 phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

1- Về điều luật áp dụng và mức hình phạt:

* Áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự:

- Xử phạt bị cáo **Trần Việt A 36 (ba mươi sáu) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 23/4/2024.

* Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự:

- Xử phạt bị cáo **Lò Văn L1 20 (hai mươi) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 23/4/2024.

- Xử phạt bị cáo **Đặng Minh C 20 (hai mươi) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 23/4/2024.

* Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự:

- Xử phạt bị cáo **Hoàng Tuấn A1 20 (hai mươi) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 22/4/2024.

2- Về hình phạt bổ sung: Không phạt tiền đối với các bị cáo.

3- Về xử lý vật chứng và số tiền thu lợi bất chính: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

- Buộc bị cáo Trần Việt A truy nộp số tiền 2.100.000 đồng thu lợi bất chính.

- Tịch thu tiêu hủy 01 bao niêm phong dán kín có chữ ký giáp lai của Nguyễn Văn X1, Hoàng Tuấn A1, giám định viên, cán bộ Công an; 01 bao niêm phong dán kín có chữ ký giáp lai của Trần Việt A, Vi Thị T4, Nguyễn Mai T3, giám định viên, cán bộ Công an.

- Tịch thu sung công 01 chiếc điện thoại Redmi 9A màu đen kèm sim; 01 chiếc điện thoại Iphone màu đen kèm sim; 01 điện thoại Iphone màu xanh số Imei 355060589373906 kèm sim; 01 điện thoại Iphone màu đen, Imei: 359176072466993 kèm sim (không kiểm tra chất lượng, nội dung bên trong).

- Trả lại cho chị Nguyễn Ánh T1 01 chiếc điện thoại Iphone màu xanh, không kiểm tra chất lượng, nội dung bên trong.

Chi tiết vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng số 311 ngày 20/9/2024 của Cơ quan điều tra Công an quận Đ và Chi cục thi hành án dân sự quận Đống Đa.

4- Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Bị cáo Trần Việt A, Hoàng Tuấn A1, Đặng Minh C và Lò Văn L1 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5- *Về quyền kháng cáo:* Áp dụng Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các bị cáo, người liên quan;
- VKS ND quận Đống Đa;
- VKSND TP Hà Nội;
- TAND TP Hà Nội;
- Công an quận Đống Đa;
- Chi cục THADS quận Đống Đa;
- Sở Tư pháp TP Hà Nội;
- Lưu HS - VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Phương Thúy